

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH**sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP
ngày 02 tháng 5 năm 2001 về tổ chức và hoạt động
của công ty cho thuê tài chính**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt
Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng
12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật ngân hàng Nhà
nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày
17 tháng 6 năm 2003;**Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số
02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm
1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật các tổ chức tín dụng số
20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm
2004;**Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/
QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Theo đề nghị của Thống đốc Ngân
hàng Nhà nước Việt Nam,***NGHỊ ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều
tại Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày
02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về
tổ chức và hoạt động của công ty cho
thuê tài chính, như sau:**1. Sửa đổi Điều 2 như sau:****“Điều 2.****1.** Công ty cho thuê tài chính là một
tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là pháp
nhân Việt Nam. Công ty cho thuê tài
chính được thành lập và hoạt động tại
Việt Nam dưới các hình thức sau :**a)** Công ty cho thuê tài chính trách
nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.**b)** Công ty cho thuê tài chính trách
nhiệm hữu hạn một thành viên.

c) Công ty cho thuê tài chính cổ phần.

2. Việc chuyển đổi sở hữu, thay đổi hình thức (loại hình) công ty cho thuê tài chính thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3.

1. Công ty cho thuê tài chính liên doanh là công ty cho thuê tài chính được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam) và Bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Công ty cho thuê tài chính liên doanh được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là công ty cho thuê tài chính được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của một hoặc một số tổ chức tín dụng nước ngoài. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.”

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4.

Việc chuyển nhượng phần vốn góp

của các bên trong công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài thực hiện theo các quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

4. Bổ sung các khoản 6,7 và 8 vào Điều 7 như sau:

“6. Tổ chức tín dụng nước ngoài bao gồm: ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê (lease/leasing company) được thành lập theo pháp luật nước ngoài. Trường hợp công ty cho thuê nước ngoài thì số dư cho thuê tài chính (financial lease) và cho vay phải chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản có của công ty.

7. Nước nguyên xứ đối với một tổ chức tín dụng nước ngoài là nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài được thành lập.

8. Công ty trực thuộc công ty cho thuê tài chính.

Một công ty được coi là công ty trực thuộc của công ty cho thuê tài chính nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành thuộc sở hữu của công ty cho thuê tài chính;

b) Việc bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty thuộc

quyền quyết định của công ty cho thuê tài chính;

c) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty thuộc quyền quyết định của công ty cho thuê tài chính.”

5. Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xin thành lập công ty cho thuê tài chính.”

6. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Ngoài các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Được tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước nguyên xứ cho phép hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam;

b) Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn, trừ trường hợp Hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và nước nguyên xứ có quy định khác.”

7. Thay thế các Điều 13, 14 và 15 bằng các Điều 13, 14 và 15 mới như sau:

“Điều 13.

1. Việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, ngoài nước của công ty cho thuê tài chính phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản. Điều kiện hồ sơ, thủ tục mở chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty cho thuê tài chính được áp dụng theo Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thành lập công ty trực thuộc của công ty cho thuê tài chính để hoạt động trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật hiện hành.

Điều 14.

1. Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có chức năng quản trị công ty cho thuê tài chính, có toàn quyền nhân danh công ty cho thuê tài chính để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty cho thuê tài chính, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cho thuê tài chính cổ phần) hoặc chủ sở hữu (đối với công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc thành viên góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

b) Hội đồng quản trị có số thành viên tối thiểu là ba người, gồm những người có uy tín, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết về hoạt động tài chính, ngân hàng. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

c) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị từ 03 năm đến 05 năm, do Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính quy định cụ thể. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm giữa nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất kỳ lúc nào theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền bầu hoặc bổ nhiệm hoặc chỉ định;

d) Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của công ty cho thuê tài chính để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Ban kiểm soát

a) Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính; giám sát việc chấp

hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của công ty cho thuê tài chính, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của công ty cho thuê tài chính;

b) Ban kiểm soát có tối thiểu là ba người, trong đó có một người là Trưởng ban và ít nhất phải có một nửa số thành viên là chuyên trách. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các yêu cầu về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

c) Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc và được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của công ty cho thuê tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình;

d) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát từ 03 năm đến 05 năm, do Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính quy định cụ thể. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc)

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc thuê Tổng giám đốc (Giám đốc). Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là đại diện theo pháp luật của công ty cho thuê tài chính, trừ trường hợp Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính quy định khác;

b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc (Giám đốc) không quá 05 năm, do Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính quy định cụ thể. Tổng giám đốc (Giám đốc) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

c) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính phải có các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng;

d) Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính không được phép là Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức

tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của công ty cho thuê tài chính;

đ) Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc (Giám đốc).

Điều 15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chuẩn y các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty cho thuê tài chính.”

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 16 như sau:

“b) Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác có kỳ hạn từ một năm trở lên để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;”

2. Bổ sung khoản 9 vào Điều 16 như sau :

“9. Công ty cho thuê tài chính có mức vốn điều lệ tương đương mức vốn pháp định đối với công ty tài chính thì được phép thực hiện một số nghiệp vụ sau theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động đối với bên thuê;

b) Thực hiện hoạt động bao thanh toán đối với bên thuê.”

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng